

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công nhận kết quả xét tuyển và danh sách dự kiến người trúng tuyển tại kỳ xét tuyển đặc cách giáo viên đã có hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội từ năm 2015 trở về trước trên địa bàn huyện Krông Năng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Viên chức năm 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về sử dụng, tuyển dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Phương án xét tuyển đặc cách đối với giáo viên đã có hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội từ năm 2015 trở về trước trên địa bàn huyện Krông Năng; Quyết định số 1705/QĐ-UBND ngày 30/07/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Phương án điều chỉnh xét tuyển đặc cách giáo viên đã có hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội từ năm 2015 trở về trước trên địa bàn huyện Krông Năng;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng xét tuyển tại Báo cáo số 326/BC-HĐXT ngày 07/8/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả xét tuyển và danh sách dự kiến người trúng tuyển tại kỳ xét tuyển đặc cách giáo viên đã có hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội từ năm 2015 trở về trước trên địa bàn huyện Krông Năng như sau:

- Tổng số thí sinh được triệu tập tham dự Vòng 2 kỳ xét tuyển: **109 người.**
- Số thí sinh có mặt dự xét tuyển: **108 người;** Số thí sinh vắng mặt: **01 người.**

- Tổng số thí sinh dự kiến trúng tuyển: **108 người**.

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng xét tuyển có trách nhiệm: Niêm yết công khai kết quả xét tuyển và danh sách dự kiến người trúng tuyển tại kỳ xét tuyển đặc cách giáo viên đã có hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội từ năm 2015 trở về trước trên địa bàn huyện Krông Năng theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Nội vụ huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND huyện (b/c);
- CT, PCT UBND huyện;
- Trưởng Ban Giám sát (P. Thanh tra);
- Các thành viên HĐXT;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu: VT, HĐXT.

CHỦ TỊCH

Trương Hoài Anh

BẢNG TỔNG HỢP

Điểm của kỳ xét tuyển đặc cách đối với giáo viên đã có hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội từ năm 2015 trở về trước trên địa bàn huyện Krông Năng.

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo, chuyên ngành		Vị trí làm việc đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Đối tượng Ưu tiên	Điểm GK1	Điểm GK2	Điểm TB	Điểm Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
				Trình độ	Chuyên ngành									
1	2	3	4	5	6	7	8	10	11	12	13	14	15	16
1	H Ngõn Niê Kđăm	15/02/1991	Ê Đê	Đại học	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	Mầm non	DTTS	80.0	80.0	80.0	5.0	85.0	
2	H' An Mlô	19/3/1996	Ê Đê	Đại học	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	Mầm non	DTTS	85.0	85.0	85.0	5.0	90.0	
3	Nguyễn Thị Mai Ly	12/06/1993	Kinh	Đại học	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	Mầm non		87.0	86.0	86.5	0.0	86.5	
4	Trương Ngọc Huyền	15/05/1987	Kinh	Đại học	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	Mầm non		85.0	86.0	85.5	0.0	85.5	
5	Dương Thị Nguyệt	05/8/1985	Kinh	Đại học	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	Mầm non		83.0	83.0	83.0	0.0	83.0	
6	Hoàng Thị Việt Hà	10/10/1987	Nùng	Đại học	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	Mầm non	DTTS	82.0	82.0	82.0	5.0	87.0	
7	Nguyễn Thị Hồng Trang	06/10/1993	Kinh	Đại học	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	Mầm non		80.0	80.0	80.0	0.0	80.0	
8	Nguyễn Thị Lanh	25/5/1983	Kinh	Đại học	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	Mầm non		80.0	80.0	80.0	0.0	80.0	
9	Hà Thị Minh	04/03/1990	Thái	Đại học	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	Mầm non	DTTS	88.0	88.0	88.0	5.0	93.0	
10	Trần Thị Mỹ Duyên	08/04/1996	Kinh	Đại học	Sư phạm mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	Mầm non		90.0	90.0	90.0	0.0	90.0	
11	Đinh Thị Phương	10/8/1995	Kinh	Trung cấp	Sư phạm mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	Mầm non		89.0	89.0	89.0	0.0	89.0	
12	Trần Thị Thu Hà	10/03/1991	Kinh	Cao đẳng	Sư phạm mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	Mầm non		92.0	92.0	92.0	0.0	92.0	
13	Triệu Thị Thiêm	16/8/1982	Tày	Đại học	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	Mầm non	DTTS	90.0	91.0	90.5	5.0	95.5	
14	Đàm Thị Sa	10/04/1991	Nùng	Đại học	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	Mầm non	DTTS	80.0	80.0	80.0	5.0	85.0	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo, chuyên ngành		Vị trí làm việc đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Đối tượng Ưu tiên	Điểm GK1	Điểm GK2	Điểm TB	Điểm Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
				Trình độ	Chuyên ngành									
1	2	3	4	5	6	7	8	10	11	12	13	14	15	16
15	Đinh Thị Hằng	12/07/1991	Kinh	Đại học	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	Mầm non		90.0	90.0	90.0	0.0	90.0	
16	Đinh Thị Thu Hồng	20/11/1993	Kinh	Đại học	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	Mầm non		91.0	90.0	90.5	0.0	90.5	
17	Ngân Thị Xiêm	16/10/1992	Thái	Đại học	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	Mầm non	DTTS	89.0	90.0	89.5	5.0	94.5	
18	H' Nhung Niê	17/02/1992	Ê Đê	Trung cấp	Sư phạm mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	Mầm non	DTTS	87.0	89.0	88.0	5.0	93.0	
19	Trương Thị Thắm	10/7/1993	Kinh	Đại học	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	Mầm non		78.0	78.0	78.0	0.0	78.0	
20	Nguyễn Thị Lệ Hằng	27/6/1984	Kinh	Trung cấp	Sư phạm mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	Mầm non		83.0	82.0	82.5	0.0	82.5	
21	Võ Hoàng Lê Lương	08/09/1988	Kinh	Đại học	Địa lý học	Giáo viên THPT hạng III	Địa lý		90.0	91.0	90.5	0.0	90.5	
22	Phạm Thị Tuyền	22/08/1984	Kinh	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Giáo viên THPT hạng III	Lịch sử		93.0	91.0	92.0	0.0	92.0	
23	Lương Thanh Tuyền	05/11/1989	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	Giáo viên THPT hạng III	Vật lý		62.0	66.0	64.0	0.0	64.0	
24	Phan Thúy Lan	05/03/1983	Kinh	Đại học	Lịch sử	Giáo viên THPT hạng III	Lịch sử		94.0	92.0	93.0	0.0	93.0	
25	Nguyễn Thị Thùy Trang	01/10/1991	Kinh	Đại học	Hóa học	Giáo viên THPT hạng III	Hóa học		74.0	75.0	74.5	0.0	74.5	
26	Lê Thị Thu Oanh	22/09/1989	Kinh	Đại học	Sinh học	Giáo viên THPT hạng III	Sinh học	CTB	75.0	76.0	75.5	5.0	80.5	
27	Nguyễn Quốc Hùng	20/07/1982	Kinh	Đại học	Công nghệ thông tin	Giáo viên THPT hạng III	Tin học		79.0	80.0	79.5	0.0	79.5	
28	Võ Bá Âu	20/6/1988	Kinh	Đại học	Giáo dục thể chất	Giáo viên THCS hạng III	Thể dục		90.0	87.0	88.5	0.0	88.5	
29	Hoàng Ngọc Nam	20/09/1986	Kinh	Cao đẳng	Thể dục	Giáo viên THCS hạng III	Thể dục		90.0	89.0	89.5	0.0	89.5	
30	Lê Hồng Công	20/11/1987	Kinh	Đại học	Giáo dục thể chất	Giáo viên THCS hạng III	Thể dục		91.0	89.0	90.0	0.0	90.0	
31	Đàm Thị Huyền	24/01/1990	Tày	Đại học	Sư phạm Anh	Giáo viên THCS hạng III	Tiếng anh	DTTS	79.0	80.0	79.5	5.0	84.5	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo, chuyên ngành		Vị trí làm việc đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Đổi tượng Ưu tiên	Điểm GK1	Điểm GK2	Điểm TB	Điểm Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
				Trình độ	Chuyên ngành									
1	2	3	4	5	6	7	8	10	11	12	13	14	15	16
32	Dương Công Hoàn	12/03/1987	Kinh	Đại học	Ngữ văn Anh	Giáo viên THCS hạng III	Tiếng anh		79.0	78.0	78.5	0.0	78.5	
33	Phan Văn Thế	19/10/1981	Kinh	Đại học	Ngữ văn Anh	Giáo viên THCS hạng III	Tiếng anh		86.0	85.0	85.5	0.0	85.5	
34	Trần Thị Dung	04/10/1989	Kinh	Đại học	Ngôn ngữ anh	Giáo viên THCS hạng III	Tiếng anh		80.0	79.0	79.5	0.0	79.5	
35	Huỳnh Thị Ánh Thùy	10/08/1992	Kinh	Cao đẳng	Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	Tiếng anh		79.0	80.0	79.5	0.0	79.5	
36	Mai Trần Thanh	03/10/1987	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	Vật lý		85.0	87.0	86.0	0.0	86.0	
37	Đỗ Thị Huệ	10/10/1986	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	Vật lý		86.0	84.0	85.0	0.0	85.0	
38	Lương Thị Hồng	02/12/1984	Kinh	Cao đẳng	Sư phạm Mĩ thuật	Giáo viên THCS hạng III	Mĩ thuật		80.0	80.0	80.0	0.0	80.0	
39	Tổng Thị Thanh Dung	2/9/1989	Kinh	Đại học	Sư phạm Mĩ thuật	Giáo viên THCS hạng III	Mĩ thuật	CBB	88.0	85.0	86.5	5.0	91.5	
40	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	04/05/1983	Kinh	Đại học	Sư phạm Mĩ thuật	Giáo viên THCS hạng III	Mĩ thuật		80.0	80.0	80.0	0.0	80.0	
41	Phạm Duy Hải	18/01/1987	Kinh	Cao đẳng	Sư phạm Mĩ thuật	Giáo viên THCS hạng III	Mĩ thuật		85.0	85.0	85.0	0.0	85.0	
42	Đinh Thị Ánh	12/08/1988	Kinh	Cao đẳng	Sư phạm Mĩ thuật	Giáo viên THCS hạng III	Mĩ thuật		85.0	85.0	85.0	0.0	85.0	
43	Nguyễn Song Hào	17/09/1988	Kinh	Cao đẳng	Sư phạm Mĩ thuật	Giáo viên THCS hạng III	Mĩ thuật		80.5	85.0	82.8	0.0	82.8	
44	Lê Thị Vân	05/10/1989	Kinh	Cao đẳng	Sư phạm Mĩ thuật	Giáo viên THCS hạng III	Mĩ thuật		77.0	77.0	77.0	0.0	77.0	
45	Đỗ Ánh Dương	10/12/1990	Kinh	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Giáo viên THCS hạng III	Âm nhạc		80.0	80.0	80.0	0.0	80.0	
46	Quách Thị Kim Duyên	29/11/1988	Kinh	Cao đẳng	Sư phạm Âm nhạc	Giáo viên THCS hạng III	Âm nhạc		80.0	80.0	80.0	0.0	80.0	
47	Nguyễn Xuân Bình Tĩnh	04/8/1993	Kinh	Đại học	Công nghệ thông tin	Giáo viên THCS hạng III	Tin học		95.0	94.0	94.5	0.0	94.5	
48	Chu Văn Giáp	24/04/1989	Kinh	Cao đẳng	Công nghệ thông tin	Giáo viên THCS hạng III	Tin học		87.0	87.0	87.0	0.0	87.0	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo, chuyên ngành		Vị trí làm việc đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Đối tượng Ưu tiên	Điểm GK1	Điểm GK2	Điểm TB	Điểm Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
				Trình độ	Chuyên ngành									
1	2	3	4	5	6	7	8	10	11	12	13	14	15	16
49	Nguyễn Thị Xuân Hòa	07/11/1988	Kinh	Đại học	Công nghệ thông tin	Giáo viên THCS hạng III	Tin học		67.0	64.0	65.5	0.0	65.5	
50	Bùi Hữu Đông	14/12/1990	Kinh	Đại học	Công nghệ thông tin	Giáo viên THCS hạng III	Tin học		67.0	68.0	67.5	0.0	67.5	
51	Hoàng Thị Thiết	09/06/1990	Nùng	Cao đẳng	Tin học	Giáo viên THCS hạng III	Tin học	DTTS	75.0	76.0	75.5	5.0	80.5	
52	Nguyễn Thị Phương Năm	31/12/1984	Kinh	Đại học	Công nghệ thông tin	Giáo viên THCS hạng III	Tin học		60.0	61.0	60.5	0.0	60.5	
53	Nguyễn Hữu Luân	06/01/1988	Kinh	Cao đẳng	Tin học ứng dụng	Giáo viên THCS hạng III	Tin học		83.0	85.0	84.0	0.0	84.0	
54	Chu Thị Dung	02/12/1990	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS hạng III	Toán		82.0	81.0	81.5	0.0	81.5	
55	Đào Ngọc Tăng	17/06/1990	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS hạng III	Toán	CBB	75.0	77.0	76.0	5.0	81.0	
56	Phạm Trường Quyết	10/10/1988	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS hạng III	Toán		85.0	85.0	85.0	0.0	85.0	
57	Ma Văn Chinh	10/11/1985	Tày	Đại học	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS hạng III	Toán	DTTS	80.0	82.0	81.0	5.0	86.0	
58	Mai Đình Phương	9/1/1983	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS hạng III	Toán		77.0	75.0	76.0	0.0	76.0	
59	Nguyễn Thị Tới	10/11/1987	Kinh	Cao đẳng	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	Ngữ văn		85.0	85.0	85.0	0.0	85.0	
60	Nguyễn Thị Hồng Nhân	12/09/1986	Kinh	Đại học	Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	Ngữ văn		66.0	66.0	66.0	0.0	66.0	
61	Hà Thị Trang	12/06/1986	Thái	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn	Giáo viên THCS hạng III	Ngữ văn	DTTS	59.0	59.0	59.0	5.0	64.0	
62	Trần Thị Thu	07/08/1990	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	Ngữ văn		80.0	80.0	80.0	0.0	80.0	
63	Nguyễn Thị Thảo	09/07/1988	Kinh	Đại học	Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	Ngữ văn		80.0	80.0	80.0	0.0	80.0	
64	Trịnh Quyết Thắng	25/06/1991	Kinh	Đại học	Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	Hóa học		85.0	82.0	83.5	0.0	83.5	
65	H Rôya Bkrông	01/12/1988	Ê Đê	Đại học	Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	Hóa học	DTTS	63.0	60.0	61.5	5.0	66.5	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo, chuyên ngành		Vị trí làm việc đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Đối tượng Ưu tiên	Điểm GK1	Điểm GK2	Điểm TB	Điểm Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
				Trình độ	Chuyên ngành									
1	2	3	4	5	6	7	8	10	11	12	13	14	15	16
66	Nguyễn Thị Thương Thương	04/8/1989	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa - Sinh	Giáo viên THCS hạng III	Hóa học		78.0	80.0	79.0	0.0	79.0	
67	Trương Ngọc Quý	6/12/1986	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	Hóa học		81.0	79.0	80.0	0.0	80.0	
68	Hoàng Thị Lợi	20/02/1991	Kinh	Cao đẳng	Sư phạm Công nghệ	Giáo viên THCS hạng III	Công nghệ	CTB	93.0	95.0	94.0	5.0	99.0	
69	Nguyễn Thị Sương	23/03/1986	Kinh	Cao đẳng	Kỹ thuật nông nghiệp	Giáo viên THCS hạng III	Công nghệ		95.0	94.0	94.5	0.0	94.5	
70	Đinh Thị Thanh Thúy	29/10/1988	Kinh	Đại học	Sư phạm Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	Địa lý	CTB	86.0	85.0	85.5	5.0	90.5	
71	Trần Quang Anh	10/12/1981	Kinh	Đại học	Lịch sử	Giáo viên THCS hạng III	Lịch sử		87.0	87.0	87.0	0.0	87.0	
72	Phan Thị Quỳnh Trang	20/10/1991	Kinh	Đại học	Giáo dục tiểu học	Giáo viên tiểu học hạng IV	Giáo viên tiểu học		80.0	80.0	80.0	0.0	80.0	
73	Hà Thị Hòa	24/3/1991	Thái	Đại học	Giáo dục tiểu học	Giáo viên tiểu học hạng IV	Giáo viên tiểu học	DTTS	71.0	71.0	71.0	5.0	76.0	
74	Cao Thị Diễm Nhơn	17/08/1992	Kinh	Đại học	Giáo dục tiểu học	Giáo viên tiểu học hạng IV	Giáo viên tiểu học		76.0	76.0	76.0	0.0	76.0	
75	H Nuk MLô	01/04/1989	Ê Đê	Đại học	Giáo dục tiểu học	Giáo viên tiểu học hạng IV	Giáo viên tiểu học	DTTS	78.0	78.0	78.0	5.0	83.0	
76	Hoàng Thị Diệu Hồng	19/02/1990	Kinh	Trung cấp	Giáo dục tiểu học	Giáo viên tiểu học hạng IV	Giáo viên tiểu học		80.0	80.0	80.0	0.0	80.0	
77	Đàm Quang Trường	11/20/1989	Tày	Đại học	Giáo dục tiểu học	Giáo viên tiểu học hạng IV	Giáo viên tiểu học	DTTS	81.0	81.0	81.0	5.0	86.0	
78	Hà Thị Xa	17/09/1992	Thái	Cao đẳng	Giáo dục tiểu học	Giáo viên tiểu học hạng IV	Giáo viên tiểu học	DTTS	79.0	83.0	81.0	5.0	86.0	
79	Hoàng Thị Lanh	20/11/1991	Tày	Đại học	Giáo dục tiểu học	Giáo viên tiểu học hạng IV	Giáo viên tiểu học	DTTS	80.0	80.0	80.0	5.0	85.0	
80	Phạm Xuân Tứ	15/11/1988	Thái	Đại học	Giáo dục tiểu học	Giáo viên tiểu học hạng IV	Giáo viên tiểu học	DTTS	76.0	76.0	76.0	5.0	81.0	
81	Phạm Thị Hải Yến	14/10/1986	Nùng	Đại học	Giáo dục tiểu học	Giáo viên tiểu học hạng IV	Giáo viên tiểu học	DTTS	73.0	73.0	73.0	5.0	78.0	
82	Chu Thị Vân	15/07/1989	Kinh	Đại học	Giáo dục tiểu học	Giáo viên tiểu học hạng IV	Giáo viên tiểu học		80.0	80.0	80.0	0.0	80.0	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo, chuyên ngành		Vị trí làm việc đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Đối tượng Ưu tiên	Điểm GK1	Điểm GK2	Điểm TB	Điểm Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
				Trình độ	Chuyên ngành									
1	2	3	4	5	6	7	8	10	11	12	13	14	15	16
83	H Điềm Niê	12/09/1992	Ê Đê	Đại học	Giáo dục tiểu học	Giáo viên tiểu học hạng IV	Giáo viên tiểu học	DTTS	82.5	82.5	82.5	5.0	87.5	
84	Đinh Thị Ngọc Hường	11/07/1993	Kinh	Đại học	Giáo dục tiểu học	Giáo viên tiểu học hạng IV	Giáo viên tiểu học		80.0	80.0	80.0	0.0	80.0	
85	H Jip Niê Kdăm	07/11/1990	Ê Đê	Cao đẳng	Giáo dục tiểu học	Giáo viên tiểu học hạng IV	Giáo viên tiểu học	DTTS	80.0	80.0	80.0	5.0	85.0	
86	Nguyễn Công Tuấn	07/09/1990	Kinh	Đại học	Giáo dục tiểu học	Giáo viên tiểu học hạng IV	Giáo viên tiểu học		82.0	83.0	82.5	0.0	82.5	
87	Nguyễn Thị Hoài Hương	02/09/1994	Kinh	Đại học	Giáo dục tiểu học	Giáo viên tiểu học hạng IV	Giáo viên tiểu học		87.0	87.0	87.0	0.0	87.0	
88	Nguyễn Hữu Nam	12/06/1987	Kinh	Đại học	Tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng IV	Tiếng anh		80.0	80.0	80.0	0.0	80.0	
89	Nguyễn Thị Lợi	24/08/1992	Kinh	Đại học	Tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng IV	Tiếng anh		87.0	82.5	84.8	0.0	84.8	
90	Trần Thị Ngân	17/09/1989	Kinh	Đại học	Tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng IV	Tiếng anh		68.5	67.0	67.8	0.0	67.8	
91	Trần Thị My My	08/7/1991	Kinh	Đại học	Tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng IV	Tiếng anh		86.0	85.0	85.5	0.0	85.5	
92	Nguyễn Thị Liên	10/08/1988	Kinh	Đại học	Tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng IV	Tiếng anh		83.0	83.0	83.0	0.0	83.0	
93	Nguyễn Thị Trinh	04/04/1988	Kinh	Đại học	Tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng IV	Tiếng anh		79.0	78.0	78.5	0.0	78.5	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo, chuyên ngành		Vị trí làm việc đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Đối tượng Ưu tiên	Điểm GK1	Điểm GK2	Điểm TB	Điểm Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
				Trình độ	Chuyên ngành									
1	2	3	4	5	6	7	8	10	11	12	13	14	15	16
94	Nguyễn Thị Hương	13/03/1990	Kinh	Đại học	Tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng IV	Tiếng anh		79.0	81.0	80.0	0.0	80.0	
95	Hoàng Thị Như Thủy	16/1/1992	Kinh	Đại học	Tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng IV	Tiếng anh		84.5	83.5	84.0	0.0	84.0	
96	Nguyễn Thị Tuyết Vân	10/08/1989	Kinh	Đại học	Ngôn ngữ anh	Giáo viên tiểu học hạng IV	Tiếng anh		83.0	82.5	82.8	0.0	82.8	
97	Nguyễn Ngọc Quân	12/02/1988	Kinh	Đại học	Giáo dục thể chất	Giáo viên tiểu học hạng IV	Thể dục		92.5	94.0	93.3	0.0	93.3	
98	Y-SeNal KBuôr	28/03/1983	Ê Đê	Cao đẳng	Giáo dục tiểu học	Giáo viên tiểu học hạng IV	Thể dục	DTTS	86.0	84.0	85.0	5.0	90.0	
99	Lương Minh Sáng	27/01/1989	Thái	Cao đẳng	Giáo dục tiểu học	Giáo viên tiểu học hạng IV	Thể dục	DTTS	83.0	86.0	84.5	5.0	89.5	
100	Trần Quang Huy	22/08/1990	Kinh	Đại học	Kỹ thuật Công nghiệp Tản khoáng	Giáo viên tiểu học hạng IV	Tin học		85.0	87.0	86.0	0.0	86.0	
101	Đặng Văn Cường	09/09/1988	Kinh	Cao đẳng	Sư phạm Âm nhạc	Giáo viên tiểu học hạng IV	Âm nhạc		88.0	88.0	88.0	0.0	88.0	
102	Nguyễn Thị Thu	21/7/1987	Kinh	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Giáo viên tiểu học hạng IV	Âm nhạc		92.0	92.0	92.0	0.0	92.0	
103	Vũ Thị Đào	12/7/1986	Kinh	Đại học	Âm nhạc	Giáo viên tiểu học hạng IV	Âm nhạc		86.0	86.0	86.0	0.0	86.0	
104	Lê Thị Mai Linh	29/08/1990	kinh	Trung cấp	Sư phạm Âm nhạc	Giáo viên tiểu học hạng IV	Âm nhạc		94.0	94.0	94.0	0.0	94.0	
105	Thái Thị Thanh Hòa	10/01/1986	Kinh	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Giáo viên tiểu học hạng IV	Âm nhạc		90.0	90.0	90.0	0.0	90.0	
106	Nguyễn Hồ Phương Loan	16/04/1990	Kinh	Đại học	Sư phạm Mỹ thuật	Giáo viên tiểu học hạng IV	Mỹ thuật		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Bỏ thi
107	Đinh Thị Thanh Nhàn	22/12/1983	Kinh	Trung cấp	Sư phạm Mỹ thuật	Giáo viên tiểu học hạng IV	Mỹ thuật		81.0	81.0	81.0	0.0	81.0	
108	Nguyễn Thị Minh Huệ	27/03/1991	Kinh	Cao đẳng	Sư phạm Mỹ thuật	Giáo viên tiểu học hạng IV	Mỹ thuật	CBB	93.0	93.0	93.0	5.0	98.0	
109	Lê Thị Oanh	10/10/1987	Kinh	Cao đẳng	Sư phạm Mỹ thuật	Giáo viên tiểu học hạng IV	Mỹ thuật		89.0	90.0	89.5	0.0	89.5	
Tổng điểm									8882.5	8882.0	8882.3	150.0	9032.3	